

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **49/2021/HS-ST**
Ngày 22-01-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 711/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 753/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 975/2020/HSST-QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Vũ Thanh T, sinh năm 1996 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Khu phố 3, phường H2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Chí Đ và bà Lý Thị H; gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; bị cáo chưa có vợ nhưng có 01 con tên Vũ Vương X, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

1. Chị Vũ Thị Xuân M, sinh năm 1991; cư trú tại: Khu phố 2, phường H2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*có mặt*).

2. Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1998; cư trú tại: Khu phố 3, phường H2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*vắng mặt*).

3. Anh Sìn Văn T2, sinh năm 1997; cư trú tại: Xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

4. Anh Tạ Văn V, sinh năm 2000; cư trú tại: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

5. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ 5, Khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1993; cư trú tại: Xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lý Hoàng Minh N, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ 35, Khu phố 4, phường H2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Trung H1, sinh năm 1993; cư trú tại: Khu phố 8, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn B2, sinh năm 1992; cư trú tại: Tổ 20, Khu phố 8, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 16 giờ ngày 05/4/2020, Vũ Thanh T đi vào nhà của chị Vũ Thị Xuân M, sinh năm 1991, Khu phố 2, phường H2, thành phố B, sau một lúc nói chuyện thì dẫn đến mâu thuẫn với chị M nên T đã dùng tay, chân đập vỡ cửa kính bằng thủy tinh. Sau đó, T tiếp tục nhặt lấy một cái đục bằng kim loại đập vỡ 01 mặt đồng hồ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 18D1-134.33 của anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1998, trú tại khu phố 3, phường H2, thành phố B. Tiếp tục, T lấy điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 8 Pro của anh Sìn Văn T2, sinh năm 1997, trú tại xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu đập vỡ hoàn toàn và bỏ đi ra đường. Khi ra đường, T gặp anh Tạ Văn V, sinh năm 2000, trú tại Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đi xe mô tô biển số 60H7-5376, T rút chìa khóa xe của anh V rồi lấy bật lửa ra châm đốt xe. Hậu quả, qua khám nghiệm hiện trường một số bộ phận xe bị hư hỏng gồm: Vỡ đèn xi nhan 02 bên, hỏng 01 đèn chiếu sáng, vỡ yếm, vỡ cốp dưới tay lái, bình xăng và phần nhựa bên trái bị đốt cháy. Sau khi sự việc xảy ra, chị M, anh L, anh T2, anh V đã trình báo sự việc lên Công an phường H2 lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý theo quy định. Tại Cơ quan điều tra, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng gồm:

- 10 (mười) tấm kính bằng thủy tinh; 01 mặt đồng hồ bị vỡ của xe mô tô biển số 18D1-134.33; một số bộ phận xe mô tô biển số 60H7-5376 bị hủy hoại gồm (vỡ đèn xi nhan 02 bên, 01 đèn chiếu sáng, vỡ yếm, vỡ cốp dưới tay lái, bình

xăng và phần nhựa bên trái bị đốt cháy), 01 điện thoại di động Xiaomi Note 8 Pro bị đập bể và đốt cháy hỏng hoàn toàn.

- Đối với 01 (một) cái bật lửa, sau khi sử dụng để đốt xe, T đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ 01 xe mô tô biển số 60H7-5376 của anh Tạ Văn V, do anh V đi khỏi nơi cư trú nên chưa trả lại được.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại 01 cái đục cho chủ sở hữu là chị Vũ Thị Xuân M.

- 01 (một) USB lưu giữ hình ảnh T đập phá tài sản tại nhà chị M (kèm lưu hồ sơ).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 152/TCKH-HĐĐG ngày 22/4/2020 đối với 01 Xiaomi Note 8 Pro có giá trị 5.022.000đ (Năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng), 10 tấm kính bằng thủy tinh có giá trị 2.528.711đ (Hai triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười một đồng), tổng giá trị tài sản thiệt hại là 7.550.711 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn bảy trăm mười một đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 173/TCKH-HĐĐG ngày 05/5/2020 đối với 01 mặt nạ đồng hồ đo tốc độ xe mô tô biển số 18D1-134.33 có giá trị 330.000đ (Ba trăm ba mươi nghìn đồng); đèn xi nhan 02 bên, 01 đèn chiếu sáng, yếm, cốp dưới tay lái, bình xăng và phần nhựa bên trái bị đốt cháy của xe mô tô biển số 60H7-5376 có giá trị 405.000đ (Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản thiệt hại là: 735.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 8.285.711 đồng (tám triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười một đồng).

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Vũ Thị Xuân M không yêu cầu bồi thường.

- Anh Nguyễn Xuân L yêu cầu bồi thường 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi nghìn đồng); Ngày 15/01/2021, anh Nguyễn Xuân L đã nhận được 330.000đ tiền bồi thường từ gia đình bị cáo T và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Sìn Văn T2 yêu cầu bồi thường 5.022.000 đồng (Năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng);

- Anh Tạ Văn V yêu cầu bồi thường 405.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).

Ngày 15/01/2021, gia đình của bị cáo T đã tự nguyện nộp tiền bồi thường cho anh Sìn Văn T2 và anh Tạ Văn V thay cho T số tiền 5.427.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 000473 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Ngoài ra, Vũ Thanh T còn 02 lần trộm cắp tài sản như sau:

- Lần 01: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/5/2020, T một mình đi đến phòng trọ thuộc Tổ 5, Khu phố 8, phường L, thành phố B thì phát hiện một xe mô tô

nhãn hiệu Future biển số 67D1-131.90 của ông Lê Văn T1, sinh năm 1967, trú tại 173/90T, Tổ 5, Khu phố 8, phường L, thành phố B đang để trước cửa phòng trọ không có người trông coi. T đã lén lút đi đến dùng chìa khóa mang theo đưa vào mở ổ khóa thì xe nổ máy nên T ngồi lên xe chạy đến gặp Lý Hoàng Minh N, sinh năm 1988, trú tại Khu phố 3, phường H2, thành phố B và nói dối là xe của bạn và nhờ đi bán hộ với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) thì N đồng ý. N liên hệ với Nguyễn Trung H1, sinh năm 1988, Khu phố 3, phường H2, thành phố B đến lấy xe mang đi bán, trên đường đi thì bị lực lượng tuần tra Công an phường T3 phát hiện nghi vấn nên đưa H và tang vật về Công an phường để xác minh làm rõ và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý theo quy định. Tại Cơ quan điều tra, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Lần 02: Khoảng 07 giờ ngày 16/5/2020, T một mình đi bộ đến xưởng gia công đồ gỗ thuộc Tổ 20, Khu phố 8, phường L, thành phố B để chơi, T trèo lên gác phòng anh Nguyễn Văn B1 thì phát hiện một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J6 của anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1993, trú tại xã V, huyện Q, tỉnh Kiên Giang đang cắm sạc pin nên T đã rút điện thoại mang đến cầm cho anh Trần Đức K, sinh năm 1987, trú tại 173/20, Tổ 20, Khu phố 8, phường L, thành phố B được 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Sau khi bị mất tài sản, anh P đã trình báo sự việc lên Công an phường L lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý theo quy định. Tại Cơ quan điều tra, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng gồm:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ 01 cái chìa khóa T sử dụng để đi phạm tội.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại 01 xe mô tô biển số 67D1-131.90 cho chủ sở hữu là ông Lê Văn T1.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J6 cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn P.

Tại bản kết luận định giá số 195/TCKH-HĐĐG ngày 22/5/2020 đối với 01 điện thoại di động Sam sung J6 số imei: 352812104551439 có giá trị là 1.327.500 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng), bản kết luận định giá tài sản số 230/TCKH-HĐĐG ngày 04/6/2020 đối với chiếc xe mô tô 67D1-131.90 có giá trị là 12.076.000 đồng (Mười hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 13.403.500 đồng (Mười ba triệu bốn trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng).

Về dân sự: Ông Lê Văn T1 và anh Nguyễn Văn P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 715/CT-VKSBH ngày 25/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Vũ Thanh T về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1 Điều 173 và tội “Hủy hoại tài sản” theo Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Khoản 1, Điều 178 và Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Vũ Thanh T từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

3. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- Bị hại trình bày:

- Chị Vũ Thị Xuân M trình bày: Chị M không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

- Anh Nguyễn Xuân L đã nhận bồi thường số tiền 330.000đ (ba trăm ba mươi nghìn đồng) và không yêu cầu bồi thường thêm.

- Anh Sìn Văn T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.022.000 đồng (năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Anh Tạ Văn V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 405.000 đồng (bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Ông Lê Văn T1 và anh Nguyễn Văn P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm.

Đối với trách nhiệm hình sự của bị cáo, anh L, anh T2, anh V, ông T1, anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Lời nói sau cùng:* Bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại anh Nguyễn Xuân L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Sìn Văn T2, anh Tạ Văn V, ông Lê Văn T1, anh Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Hoàng Minh N, anh Nguyễn Trung H1, người làm chứng anh Nguyễn Văn B1 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, anh T2, anh V, ông T1, anh P, anh N, anh H1 và anh B1 đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 05/4/2020, tại Khu phố 2, phường H2, thành phố B, Vũ Thanh T đã có hành vi hủy hoại tài sản của chị Vũ Thị Xuân M 10 tấm cửa kính bằng thủy tinh; của anh Nguyễn Xuân L 01 mặt đồng hồ chiếc xe mô tô biển số 18D1-134.33; của anh Sin Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 8 Pro và của anh Tạ Văn V gồm đèn xi nhan 02 bên, 01 đèn chiếu sáng, yếm, cốp dưới tay lái, bình xăng và phần nhựa bên trái của xe mô tô biển số 60H7-5376. Tổng giá trị thiệt hại tài sản là 8.285.711 đồng (Tám triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười một đồng).

Ngày 11/5/2020, T đã có hành vi trộm cắp của ông Lê Văn T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Future biển số 67D1-131.90 tại phòng trọ thuộc Tổ 5, Khu phố 8, phường L, thành phố B có giá trị định giá là 12.076.000 đồng (Mười hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Ngày 16/5/2020, T trộm cắp của anh Nguyễn Văn P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J6 tại xưởng gia công đồ gỗ thuộc Tổ 20, Khu phố 8, phường L, thành phố B có giá trị định giá là 1.327.500 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Tổng giá trị tài sản T đã trộm cắp là 13.403.500 đồng (Mười ba triệu bốn trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng) thì bị phát hiện xử lý theo quy định.

- *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đập phá, hủy hoại tài sản của người khác trong khi không có mâu thuẫn, thù hằn cá nhân hay bị kích động gì. Điều này thể hiện bản tính hung hăng, coi thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra của bị cáo. Hơn nữa, trong thời gian đang bị điều tra, xử lý về hành vi hủy hoại tài sản, bị cáo lại có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo không có nghề nghiệp, mặc dù đang trong độ tuổi lao động nhưng lại lười lao động, không chịu dùng chính sức lao động của mình để tạo thu nhập nuôi sống bản thân. Bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Vũ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1, Điều 173 và tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại Khoản 1, Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 715/CT-VKSBH ngày 25/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Vũ Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Hủy hoại tài sản” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thuộc trường hợp được quy định tại Điểm b, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Vũ Thanh T để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Buộc bị cáo Vũ Thanh T phải bồi thường cho anh Sìn Văn T2 số tiền 5.022.000 đồng (Năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng); bồi thường cho anh Tạ Văn V số tiền 405.000 đồng (bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).

Ngày 15/01/2021, bị cáo T đã tự nguyện nộp tiền bồi thường cho anh Sìn Văn T2 và anh Tạ Văn V thay cho T số tiền 5.427.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Do đó, tiếp tục tạm giữ số tiền 5.427.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 000473 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa để đảm bảo thi hành án.

[4] Về vật chứng:

- Đối với 10 (mười) tấm kính bằng thủy tinh; 01 mặt đồng hồ bị vỡ của xe mô tô biển số 18D1-134.33; một số bộ phận xe mô tô biển số 60H7-5376 bị hủy hoại gồm (vỡ đèn xi nhan 02 bên, 01 đèn chiếu sáng, vỡ yếm, vỡ cốp dưới tay lái, bình xăng và phần nhựa bên trái bị đốt cháy), 01 điện thoại di động Xiaomi Note 8 Pro bị đập bể và đốt cháy hỏng hoàn toàn; 01 (một) cái bật lửa, sau khi sử dụng để đốt xe, T đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được nên không xem xét, xử lý là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 60H7-5376, do kết quả tra cứu và số khung, số máy không trùng khớp nên tách ra, tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại 01 cái đục cho chủ sở hữu chị Vũ Thị Xuân M là phù hợp.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) USB lưu giữ hình ảnh T đập phá tài sản tại nhà chị M.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa bị cáo T sử dụng để đi phạm tội.
- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại 01 xe mô tô biển số 67D1-131.90 cho ông Lê Văn T1 là phù hợp.
- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J6 cho anh Nguyễn Văn P là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.
- Đối với trình bày của bị cáo và bị hại chị Vũ Thị Xuân M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Hủy hoại tài sản”.

1. Căn cứ Khoản 1, Điều 173; Khoản 1, Điều 178 và Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 (một) năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Buộc bị cáo Vũ Thanh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **02** (hai) năm **02** (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) USB lưu giữ hình ảnh T đập phá tài sản tại nhà chị M.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa bị cáo T sử dụng để đi phạm tội.

Vật chứng tịch thu, tiêu hủy hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22 tháng 12 năm 2020.

3. Về bồi thường dân sự:

Buộc bị cáo Vũ Thanh T phải bồi thường cho anh Sìn Văn T2 số tiền 5.022.000 đồng (Năm triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Buộc bị cáo Vũ Thanh T phải bồi thường cho anh Tạ Văn V số tiền 405.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.427.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 000473 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Vũ Thanh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo, bị hại chị Vũ Thị Xuân M được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Nguyễn Xuân L, anh Sìn Văn T2, anh Tạ Văn V, ông Lê Văn T1, anh Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Hoàng Minh N, anh Nguyễn Trung H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Duyên